CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Nhiên liệu Sài Gòn

Ngày 28/06/2024	21,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.4%	**-3.2%**	**-6.4%**

DT thuần
Q2/24
417
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.00| 1.3%
YoY: ▲ 45.0| 12.2%

LN thuần
Q2/24
6.39
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.79| -11.0%
YoY: ▲ 2.11| 49.3%

LN sau thuế
Q2/24
5.07
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.90| -15.0%
YoY: ▲ 1.69| 50.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
1.6%
YoY: +/-▼ 0.3%

ROE (TTM)
Q2/24
13.2%
YoY: +/-▲ 0.7%

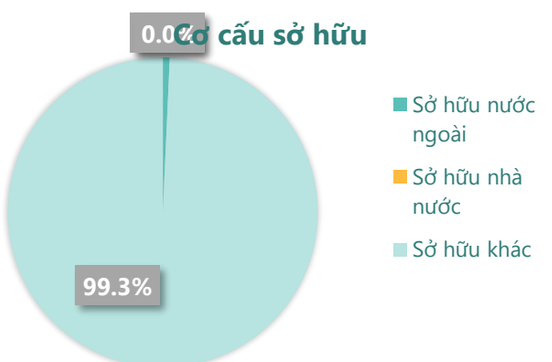
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,293 - 26,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	239
Số lượng CPLH (CP)	11,234,819
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,925
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.40
EPS	2,093
P/E	10.2

DT thuần
6T 2024
829
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 78.0| 10.4%

LN thuần
6T 2024
13.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.70| 24.2%

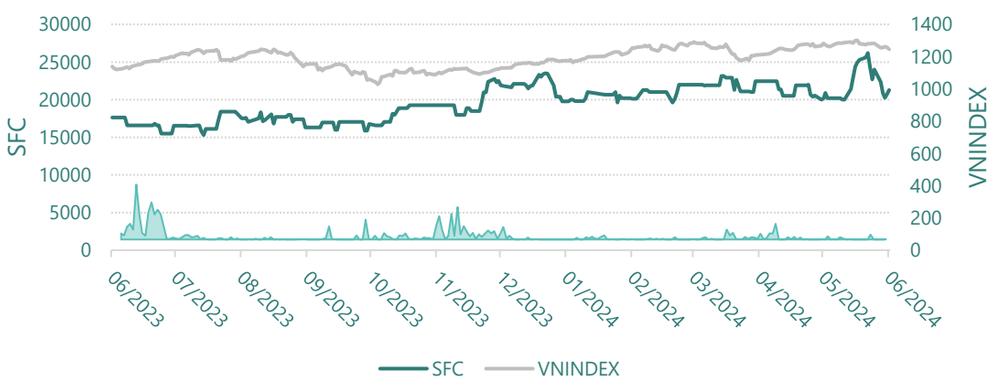
LN sau thuế
6T 2024
11.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.70| -37.6%

Cơ cấu sở hữu

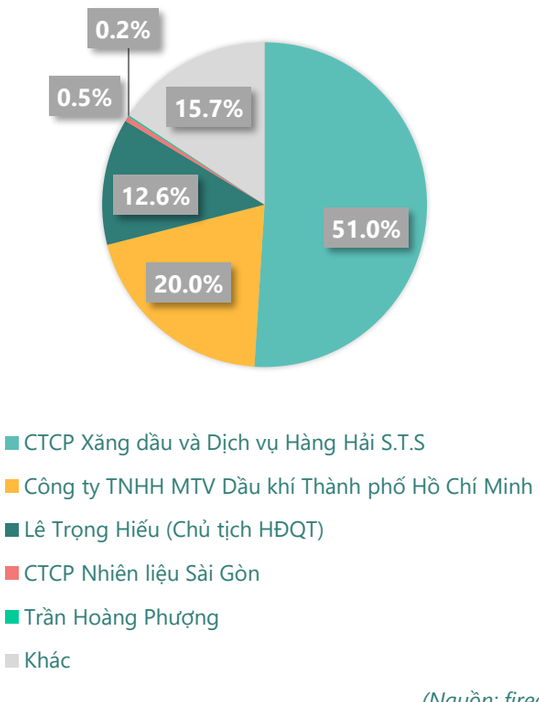


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



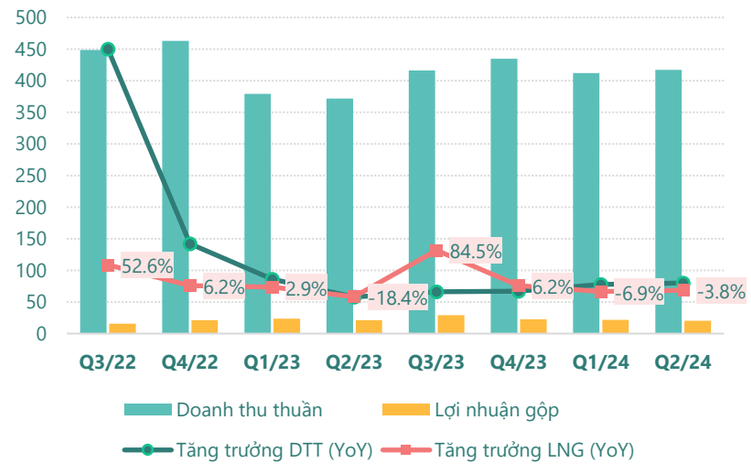
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

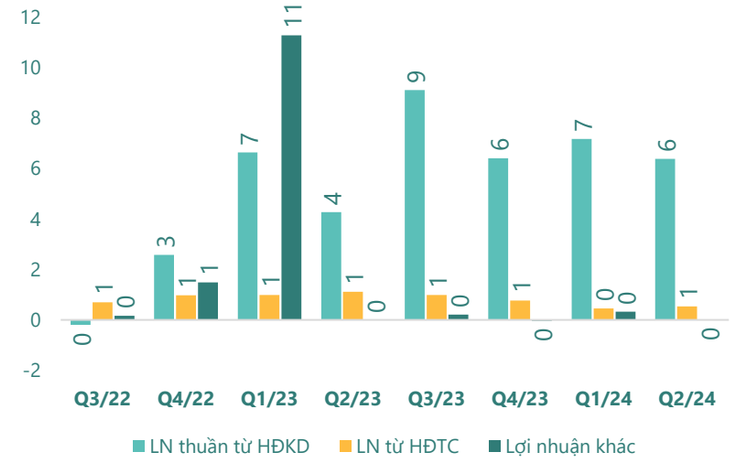
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



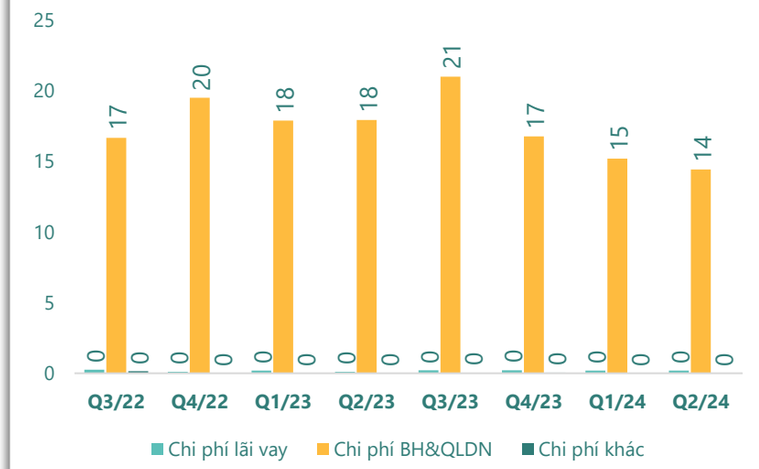
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



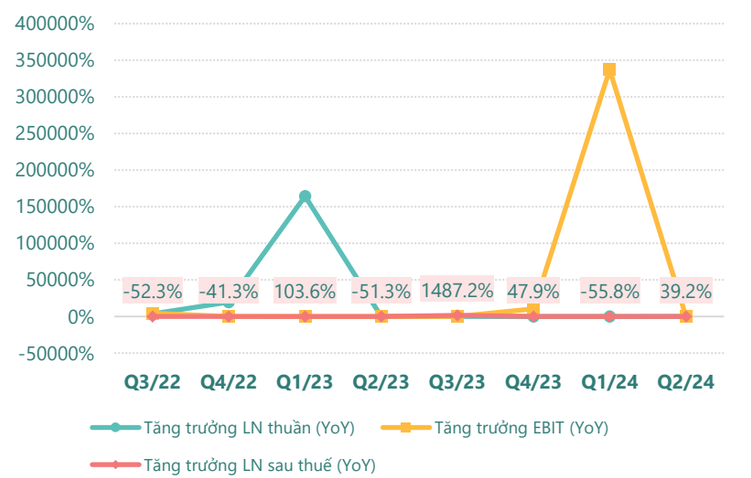
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



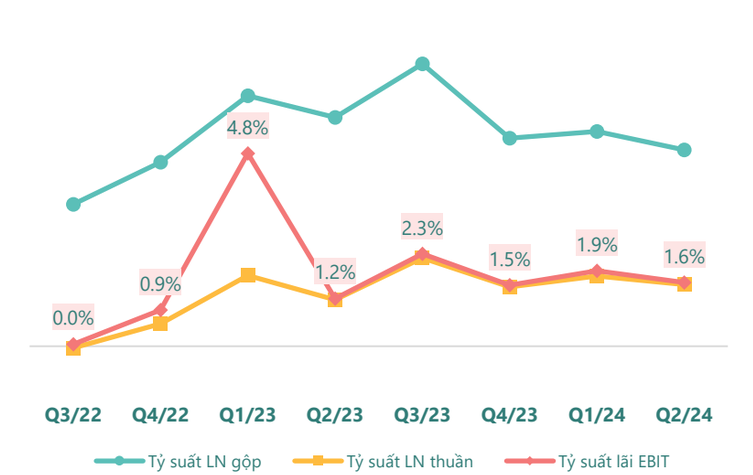
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



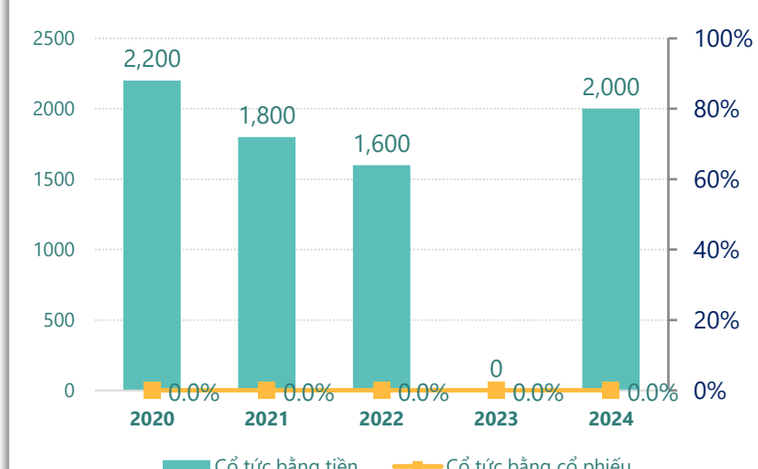
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

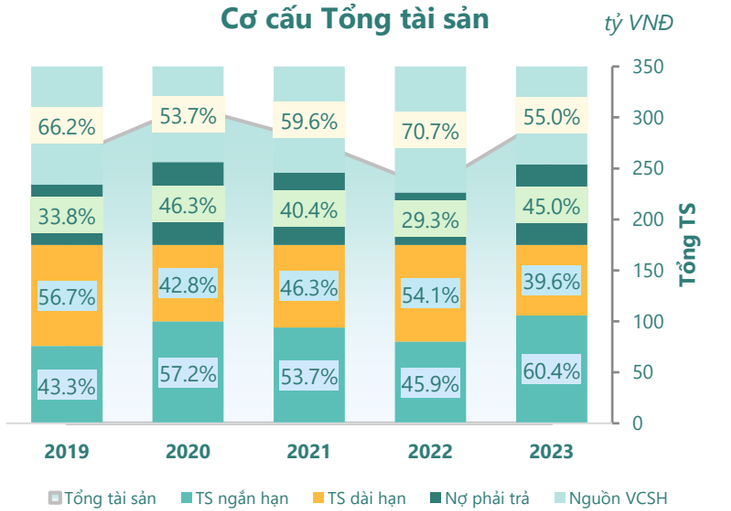
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

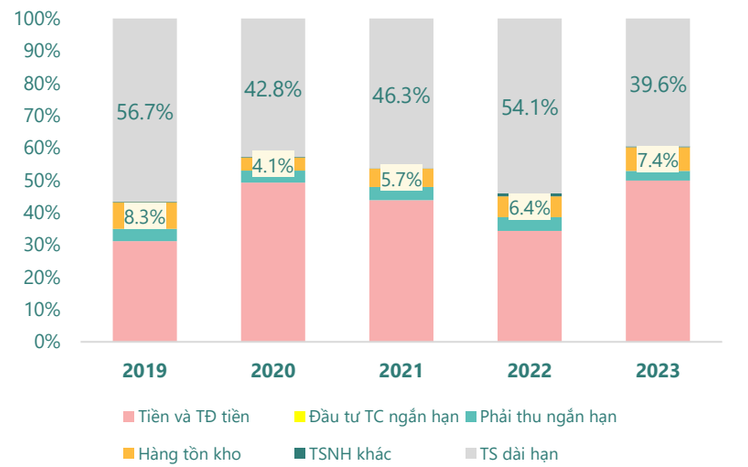
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



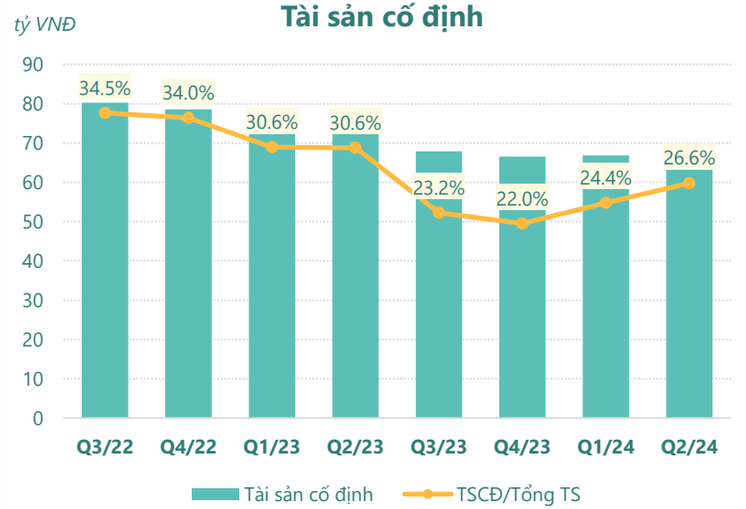
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



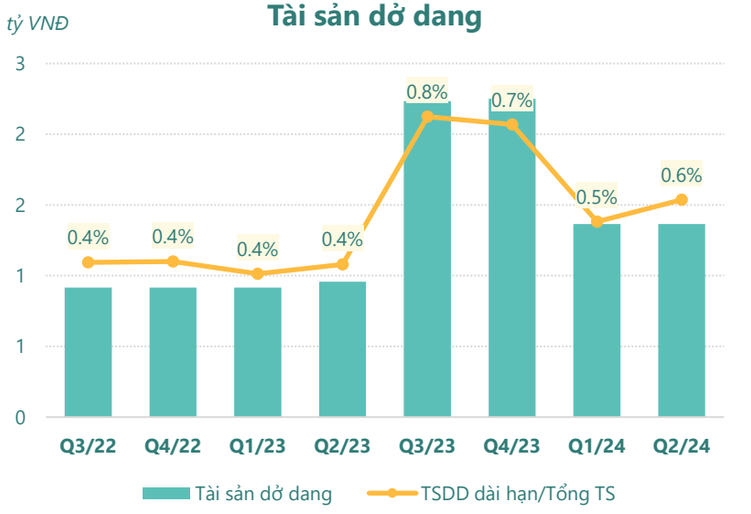
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



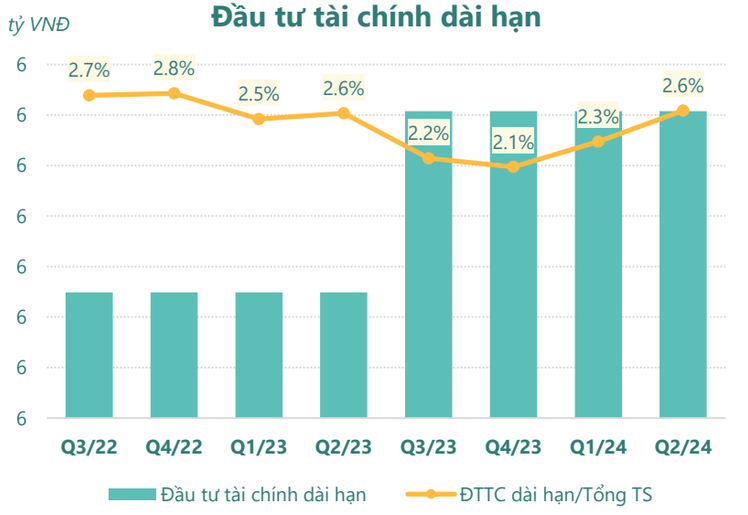
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



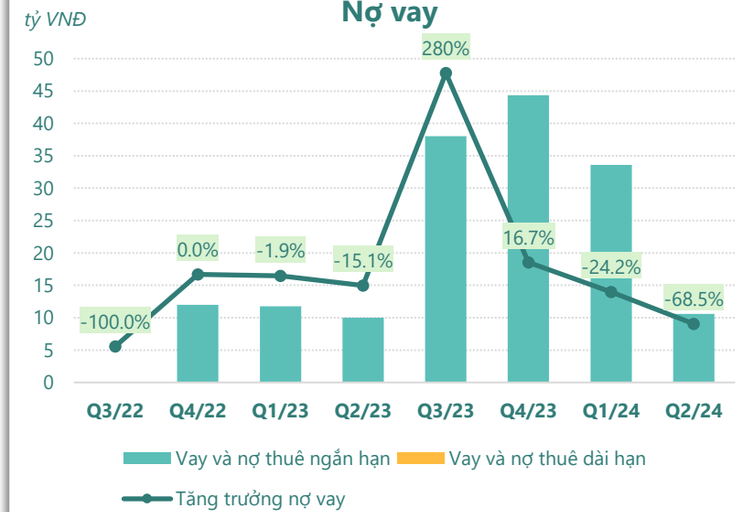
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

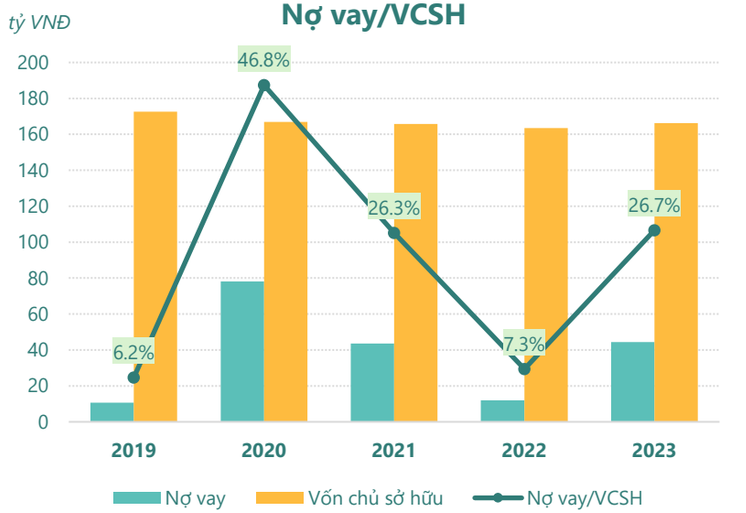
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

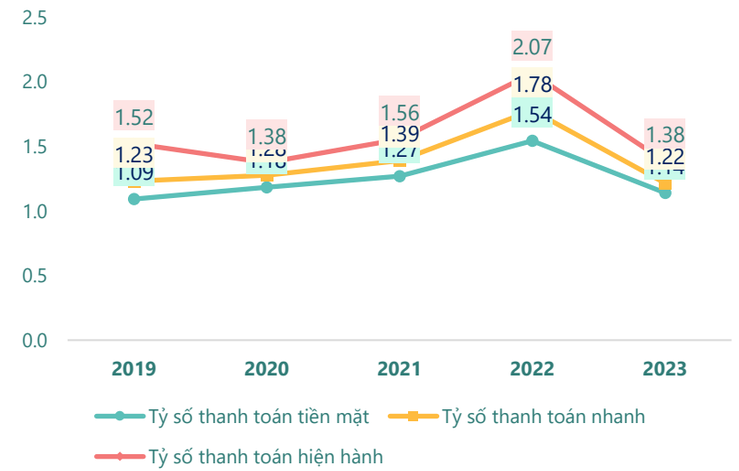
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



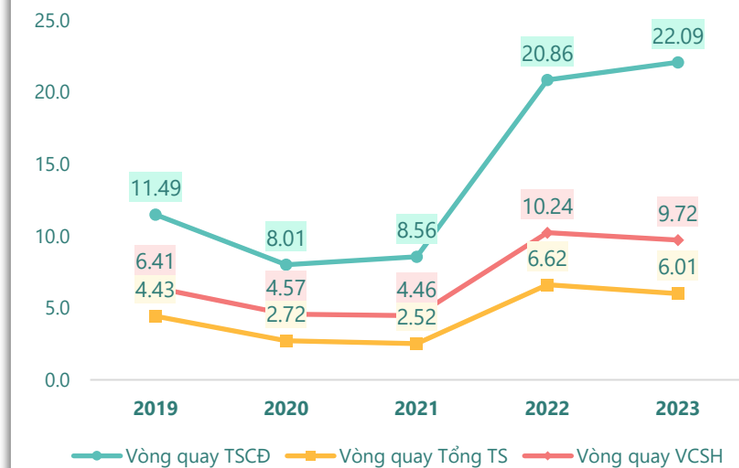
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



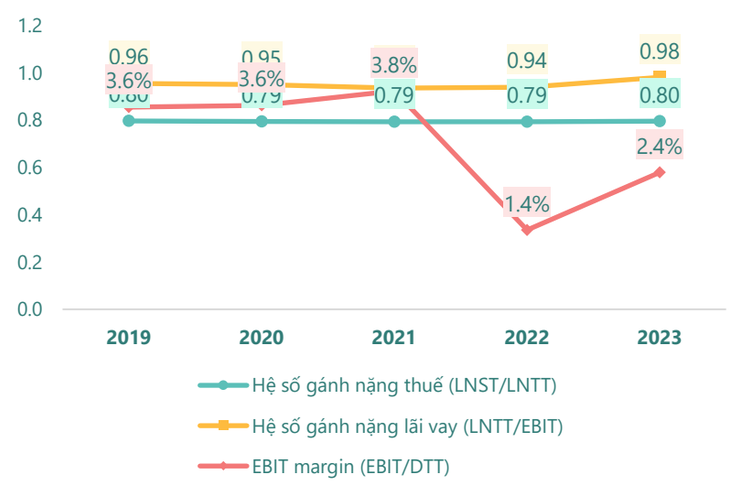
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



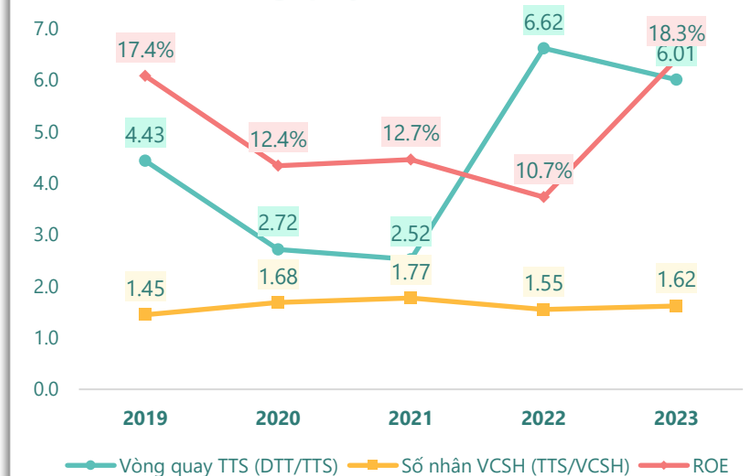
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



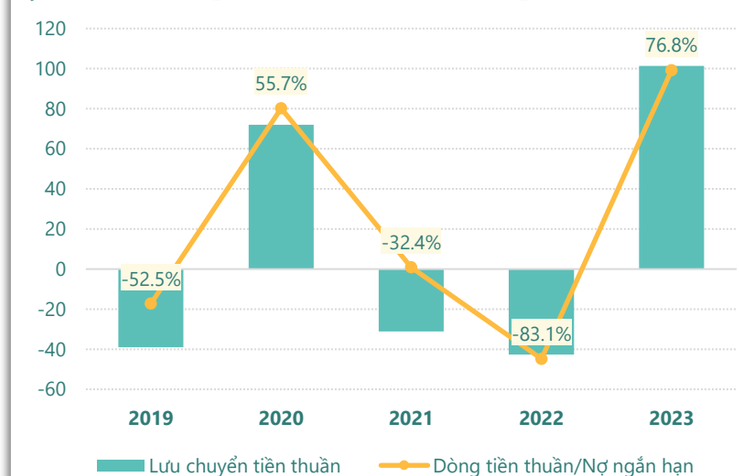
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**417**	**372**	**12.2%**	**829**	**751**	**10.4%**
Giá vốn hàng bán	397	351	13.1%	787	706	11.4%
Lợi nhuận gộp	20.3	21.1	-3.8%	42.2	44.7	-5.5%
Doanh thu HĐTC	0.73	1.22	-40.4%	1.39	2.41	-42.3%
Chi phí TC	0.19	0.11	75.2%	0.40	0.31	30.2%
Chi phí lãi vay	0.19	0.11	75.2%	0.39	0.31	28.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	11.5	14.9	-22.7%	23.8	29.5	-19.5%
Chi phí QLDN	**2.93**	**3.01**	**-2.6%**	**5.90**	**6.32**	**-6.7%**
LN thuần từ HĐKD	6.39	4.28	49.3%	13.6	10.9	24.2%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.01**	**-104%**	**0.32**	**11.3**	**-97.2%**
LN trước thuế	6.39	4.29	48.9%	13.9	22.2	-37.5%
Lợi nhuận sau thuế	**5.07**	**3.38**	**50.1%**	**11.0**	**17.7**	**-37.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.07**	**3.38**	**50.1%**	**11.0**	**17.7**	**-37.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.0	1.90	17.4	1.19	9.49	-1.67
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.48	21.5	13.0	0.50	0.25	0.19
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.22	-1.78	28.0	6.34	-33.2	-23.0
Tiền đầu kỳ	79.3	62.6	84.2	143	151	127
Lưu chuyển tiền thuần	**13.3**	**21.7**	**58.4**	**8.03**	**-23.5**	**-24.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	62.6	84.2	143	151	127	103

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**247**	**302**	**-18.3%**
Tài sản ngắn hạn	130	183	-28.6%
Tiền và tương đương tiền	103	151	-31.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	8.28	9.08	-8.8%
Hàng tồn kho	17.8	22.2	-19.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.72	0.73	136%
Tài sản dài hạn	**116**	**120**	**-2.7%**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	65.6	66.5	-1.4%
Bất động sản đầu tư	35.3	35.9	-1.7%
Tài sản dở dang	1.36	2.25	-39.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.44	6.44	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**7.62**	**8.45**	**-9.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	70.7	136	-48.1%
Nợ ngắn hạn	**66.6**	**132**	**-49.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.6	44.3	-76.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.24	18.8	-61.5%
Nợ dài hạn	4.11	4.15	-1.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**176**	**166**	**6.0%**
Vốn chủ sở hữu	**176**	**166**	**6.0%**
Vốn điều lệ	113	113	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)